

Số: /2022/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2022

(Dự thảo)

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2022.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**QUY ĐỊNH**

**Về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ  
cho hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số ... /2022/QĐ-UBND  
ngày ... tháng ... năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về bảo vệ môi trường và trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải (bao gồm: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại và chất thải rắn công nghiệp thông thường; nước thải và khí thải) và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và các cơ quan, đơn vị có liên quan.
2. Các hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức có hoạt động liên quan đến thải chất thải trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.
3. Các tổ chức hoạt động liên quan đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chất thải* là vật chất ở thể rắn, lỏng, khí hoặc ở dạng khác được thải ra từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác.
2. *Chất thải rắn sinh hoạt* (còn gọi là rác sinh hoạt) là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.
3. *Chất thải nguy hại* là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây nhiễm độc hoặc có đặc tính nguy hại khác.
4. *Chất thải rắn công nghiệp thông thường* là chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhưng có yếu tố nguy hại dưới ngưỡng chất thải nguy hại.
5. *Nước thải* là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tích chất được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác.
6. *Khí thải công nghiệp* là hỗn hợp các thành phần vật chất phát thải ra môi trường không khí từ ống khói, ống thải của các cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp.

7. *Bụi* là những hạt chất rắn nhỏ, thông thường là những hạt có đường kính nhỏ hơn 75  $\mu\text{m}$  tự lắng xuống do trọng lượng của chúng nhưng vẫn có thể lơ lửng một thời gian

## **Chương II** **QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

### **Điều 4. Trách nhiệm của hộ gia đình, cá nhân**

#### 1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

a) Chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân được phân ra 3 loại:

- Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế;
- Chất thải thực phẩm;
- Chất thải rắn sinh hoạt khác.

b) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

c) Chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác phải được chứa, đựng trong bao bì theo quy định và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; chất thải thực phẩm có thể được sử dụng làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi.

d) Hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm chuyển chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại đến điểm tập kết theo quy định hoặc chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

e) Chi trả kinh phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật.

#### 2. Đối với nước thải

a) Có công trình vệ sinh theo quy định.

b) Giám thiêu, xử lý và xả nước thải sinh hoạt đúng nơi quy định; không để vật nuôi gây mất vệ sinh trong khu dân cư.

c) Chuồng trại chăn nuôi quy mô hộ gia đình phải bảo đảm vệ sinh, nước thải từ hoạt động chăn nuôi phải được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

#### 3. Đối với bụi, khí thải và các chất khác

a) Không phát tán khí thải, gây tiếng ồn, độ rung và tác động khác gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến cộng đồng dân cư xung quanh;

b) Chuồng trại chăn nuôi quy mô hộ gia đình phải bảo đảm vệ sinh, không gây ô nhiễm tiếng ồn, phát tán mùi khó chịu.

### **Điều 5. Trách nhiệm của tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ**

#### 1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

a) Chủ dự án đầu tư, ban quản lý khu đô thị mới, chung cư cao tầng, tòa nhà văn phòng phải bố trí thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại theo quy định; tổ chức thu gom chất thải từ hộ gia đình, cá nhân và chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

b) Cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng có khối lượng nhỏ 300 kg/ngày được lựa chọn hình thức quản lý chất thải rắn sinh hoạt như hộ gia đình, cá nhân; nếu phát sinh khối lượng lớn hơn 300 kg/ngày phải chuyển giao cho cơ sở tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải có chức năng phù hợp.

## 2. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Khi phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường có trách nhiệm phân loại tại nguồn theo 3 nhóm:

- Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường được tái sử dụng, tái chế làm nguyên liệu sản xuất;

- Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường được sử dụng trong sản xuất vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng;

- Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý.

b) Lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường.

c) Chất thải rắn công nghiệp thông thường có lẫn chất thải nguy hại không thực hiện việc phân loại hoặc không thể phân loại được thì được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại; không làm phát tán bụi, rò rỉ nước thải ra môi trường; lưu giữ bằng các thiết bị, dụng cụ, khu vực lưu giữ phù hợp theo quy định Bộ Tài nguyên và Môi trường.

d) Việc vận chuyển phải được chứa, đựng trong các thiết bị, dụng cụ bảo đảm không rơi vãi, rò rỉ, phát tán ra môi trường trong quá trình vận chuyển, trừ trường hợp chất thải đặc thù có khối lượng lớn phải chứa, đựng trực tiếp bằng các thiết bị, thùng chứa của phương tiện vận chuyển; vận chuyển sau khi đã được phân loại;

đ) Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý phải có thiết bị định vị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, hoạt động theo tuyến đường và thời gian quy định.

e) Khi phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường phải tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường hoặc chuyển giao cho các đối tượng theo quy định khoản 1 điều 82 Luật Bảo vệ môi trường.

f) Tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý được tự tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng khi đáp ứng các yêu cầu theo quy định khoản 5 điều 81 Luật Bảo vệ môi trường.

## 3. Đối với chất thải nguy hại

a) Chủ nguồn thải chất thải nguy hại có trách nhiệm khai báo khối lượng, loại chất thải nguy hại trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường hoặc nội dung đăng ký môi trường; thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ riêng và không để lẫn với chất thải không nguy hại, bảo đảm không làm phát tán bụi, rò rỉ chất thải lỏng ra môi trường.

b) Chủ nguồn thải chất thải nguy hại tự tái sử dụng, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng theo quy định của pháp luật hoặc chuyển giao chất thải nguy hại cho cơ sở có giấy phép môi trường phù hợp để xử lý; được vận chuyển khi có phương tiện, thiết bị phù hợp đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định.

c) Chất thải nguy hại khi vận chuyển phải được lưu chứa và vận chuyển bằng thiết bị, phương tiện phù hợp đến cơ sở xử lý chất thải. Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại phải lắp đặt thiết bị định vị; hoạt động theo tuyến đường và thời gian theo quy định.

#### 4. Đối với nước thải

a) Đô thị, khu dân cư tập trung mới; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu, cụm công nghiệp phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa.

b) Nước thải đô thị, khu dân cư tập trung phải được quản lý theo quy định khoản 2 điều 86 Luật Bảo vệ môi trường.

c) Nước thải từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải được quản lý theo quy định khoản 3 điều 86 Luật Bảo vệ môi trường.

d) Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình tại khu dân cư không tập trung phải được thu gom, xử lý tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

đ) Hệ thống xử lý nước thải phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định khoản 1 điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

e) Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phải được quản lý theo quy định quản lý chất thải rắn; bùn thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định quản lý chất thải nguy hại.

#### 5. Đối với bụi, khí thải và các chất khác

a) Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát tán bụi, khí thải phải kiểm soát và xử lý bụi, khí thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Bụi có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

b) Phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị, công trình xây dựng phát tán bụi, khí thải phải có bộ phận lọc, giảm thiểu khí thải, thiết bị che chắn hoặc biện pháp khác để giảm thiểu bụi bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

c) Tổ chức, cá nhân gây tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ phải kiểm soát, xử lý bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường và bức xạ.

d) Tổ chức, cá nhân trong khu dân cư gây tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ, mùi khó chịu phải thực hiện biện pháp giảm thiểu, không làm tác động xấu đến cộng đồng dân cư.

đ) Cấm sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, kinh doanh và sử dụng pháo nổ.

## **Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải chất thải**

### **1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt**

a) Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cộng đồng dân cư, đại diện khu dân cư trong việc xác định thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt và công bố rộng rãi; phải sử dụng thiết bị, phương tiện được thiết kế phù hợp đối với từng loại chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường; việc vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải thực hiện theo tuyến đường, thời gian theo quy định.

b) Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

### **2. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường**

a) Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và điều kiện giấy phép theo quy định.

b) Việc vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng yêu cầu theo quy định khoản 5 điều 81 Luật Bảo vệ môi trường.

### **3. Đối với chất thải nguy hại**

a) Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định khoản 3 điều 84 Luật Bảo vệ môi trường.

b) Thu gom, vận chuyển, tiếp nhận, xử lý số lượng, loại chất thải nguy hại theo đúng nội dung giấy phép môi trường được cấp. Đăng ký với cơ quan cấp phép môi trường theo thẩm quyền để được chấp thuận khi có nhu cầu liên kết vận chuyển chất thải nguy hại không có trong giấy phép môi trường của mình cho chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại khác có chức năng phù hợp

c) Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại đối với chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động mà không có khả năng xử lý.

d) Công khai, cung cấp thông tin về loại, số lượng chất thải nguy hại thu gom, xử lý, phương pháp xử lý; thông tin về tên, địa chỉ chủ nguồn thải chất thải nguy hại được thu gom, xử lý và các thông tin về môi trường khác cần phải công khai, cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường.

đ) Bệnh viện, cơ sở y tế khác có trách nhiệm phân loại chất thải rắn tại nguồn; thực hiện thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định. Trường hợp chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường lẫn vào chất thải y tế lây nhiễm thì phải quản lý như đối với chất thải y tế lây nhiễm.

## **Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp sở, ngành và đơn vị liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

a) Ban hành quy định về phân loại chất thải rắn sinh hoạt và chính sách khuyến khích việc phân loại riêng chất thải nguy hại trong chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

b) Ban hành quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh.

c) Ban hành quy định về tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

d) Ban hành quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại).

đ) Ban hành quy định về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân, trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật về giá; trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại; và chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế, chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân đã được phân loại riêng thì không phải chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý.

e) Quy hoạch, bố trí quỹ đất cho khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt, thực hiện việc giao đất kịp thời để triển khai xây dựng và vận hành khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; bố trí kinh phí cho việc đầu tư xây dựng, vận hành hệ thống thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hệ thống các công trình, biện pháp, thiết bị công cộng phục vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

f) Bố trí nguồn lực, kinh phí cho việc xử lý, cải tạo môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt do Nhà nước quản lý và bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tự phát trên địa bàn. Bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt sau khi đóng bãi và bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt không hợp vệ sinh phải được xử lý ô nhiễm, cải tạo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

g) Ban hành quy định về tuyến đường và thời gian hoạt động của phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường.

h) Ban hành quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh.

i) Ban hành quy định về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước.

k) Ban hành quy định về lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư hoặc khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trong trường hợp chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

l) Ban hành quy định về lộ trình và chính sách hỗ trợ để tổ chức, hộ gia đình trong đô thị, khu dân cư tập trung xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận trong trường hợp không bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại khu đô thị, khu dân cư tập trung đã hình thành trước ngày 01/01/2022;

m) Ban hành quy định về lộ trình thực hiện và chính sách hỗ trợ thu gom, xử lý tại chỗ nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình, tại các khu dân cư không tập trung.

n) Ban hành quy định về phương tiện, lưu chứa khi vận chuyển, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Xây dựng phối hợp các sở, ngành và đơn vị liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định: Ban hành quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải từ hoạt động cải tạo, phá dỡ công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân.

3. Sở Kế hoạch Đầu tư phối hợp các sở, ngành và đơn vị liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định: Ban hành quy định về đầu tư, khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trên địa bàn tỉnh thuộc trách nhiệm đầu tư của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

4. Sở Giao thông vận tải phối hợp các sở, ngành và đơn vị liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện lộ trình chuyển đổi loại bỏ các phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hoá thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường.

#### 5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Có trách nhiệm bố trí mặt bằng điểm tập kết, trạm trung chuyển đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải có các khu vực khác nhau để lưu giữ các loại chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại, bảo đảm không để lẫn các loại chất thải đã được phân loại với nhau.

b) Lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

c) Lựa chọn cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.



d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trước ngày 15 tháng 01 định kỳ hằng năm.

#### 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chủ trì, phối hợp với cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, cộng đồng dân cư, tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân phân loại chất thải rắn tại nguồn và Thông báo thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý.

b) Hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho cơ sở thu gom, vận chuyển hoặc đến điểm tập kết đúng quy định; hướng dẫn cộng đồng dân cư giám sát và công khai trường hợp không tuân thủ quy định về phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

c) Kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; xử lý hành vi vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo thẩm quyền; xem xét, giải quyết kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;

d) Phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội các cấp vận động cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, giám sát việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân.

đ) Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trước ngày 05 tháng 01 định kỳ hằng năm.

### **Chương III**

## **CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

### **Điều 8. Đối tượng được ưu đãi, hỗ trợ về bảo vệ môi trường**

1. Đối tượng được ưu đãi, hỗ trợ bao gồm các tổ chức, cá nhân có hoạt động đầu tư công trình bảo vệ môi trường; hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ về bảo vệ môi trường thuộc dự án, ngành, nghề ưu đãi đầu tư được quy định tại Phụ lục XXX ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

2. Nguyên tắc ưu đãi, hỗ trợ được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 141 Luật Bảo vệ môi trường.

### **Điều 9. Hỗ trợ về đất đai**

1. Chủ đầu tư dự án xây dựng công trình bảo vệ môi trường được hưởng hỗ trợ về đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng được thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 132 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

2. Ưu đãi về miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 và 3 điều 132 Nghị định 08/2022/NĐ-CP, được hưởng ưu đãi về miễn, giảm tiền tiền thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai như các đối tượng thuộc dự án, ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư và ngành, nghề ưu đãi đầu tư, cụ thể như sau:

a) Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất) đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư và ngành, nghề ưu đãi đầu tư.

b) Địa bàn thành phố Sóc Trăng (điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn)

- Miễn tiền thuê đất mười lăm (15) năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư.

- Miễn tiền thuê đất mười một (11) năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư.

c) Địa bàn các huyện và thị xã (điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn)

- Miễn tiền thuê đất, cho cả thời hạn thuê đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư.

- Miễn tiền thuê đất mười lăm (15) năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư.

#### **Điều 11. Ưu đãi, hỗ trợ về vốn đầu tư**

1. Ưu đãi từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh: được thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 133 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

2. Ưu đãi từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam: được thực hiện theo quy định của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

3. Việc cấp bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại các tổ chức cho vay theo quy định của pháp luật về bảo lãnh tín dụng.

4. Ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất trực tiếp cho chủ đầu tư được thực hiện theo quy định tại khoản 5 điều 133 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

#### **Điều 12. Ưu đãi về thuế, phí và lệ phí**

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: được thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 134 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

2. Ưu đãi các chính sách thuế, phí, lệ phí khác được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí.

### **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 13. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai và hướng dẫn Quy định này đến các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, cơ quan, tổ chức phát sinh chất thải trên địa bàn tỉnh.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Sóc Trăng phối hợp Sở Tài nguyên & Môi trường và đơn vị liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn việc cho vay vốn và thực hiện hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với các dự án vay vốn; tài trợ, đồng tài trợ và hỗ trợ khác cho các hoạt động quản lý chất thải tỉnh từ quỹ bảo vệ môi trường tỉnh.

3. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động liên quan đến thải chất thải, hoạt động liên quan đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải phải chấp hành nghiêm Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan. Mọi hành vi vi phạm, tùy theo mức độ đều bị xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

#### **Điều 14. Điều khoản thi hành**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu và có ý kiến đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp./.